

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-PT

Ngày: 26-5-2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính
trong quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hà Nam.

Ông M Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Th1 Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà M Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2021/TLPT-HC ngày 30 tháng 10 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý đất đai. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 04 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị L.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Xuân T và bà Thái Phương Q - Luật sư Văn phòng luật sư Đ Th1ộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt bà Q, vắng mặt ông T).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Th.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh Đ - Chủ tịch UBND thị trấn Th.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch

UBND thị trấn Th (Theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 01 năm 2020). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn G.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị M .

Địa chỉ: Tổ dân phố số 18, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G, chị M : Bà Trần Thị L.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 6 năm 2020). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-12-2019; đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 18-12-2019 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện bà Trần Thị L trình bày:

Hộ gia đình bà Trần Thị L được giao quyền sử dụng 1.626m² đất nông nghiệp tại các thửa 38/16 Th1ộc tờ bản đồ số 7 với diện tích 358m²; 13/6 Th1ộc tờ bản đồ số 20 với diện tích 1081m²; thửa 3/17 Th1ộc tờ bản đồ số 19 với diện tích 187m² do UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Văn G (chồng bà L) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số I 998681 ngày 02-12-1996. Từ năm 1996 đến năm 2013, gia đình bà L được tặng cho và nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của nhiều hộ dân khác mà bà không nhớ chính xác được các hộ đã chuyển nhượng nhưng với tổng diện tích sử dụng là 48.148m² đất nông nghiệp (có người viết giấy chuyển nhượng, có người chỉ nói miệng với nhau). Trong đó có 12 hộ dân Th1ộc Đội sản xuất số 9 của thị trấn có thỏa Th1ận và làm hợp đồng. Việc chuyển nhượng thông qua Hợp tác xã Nông nghiệp mà không trực tiếp làm với 12 hộ dân này. Tuy nhiên khi viết hợp đồng, Hợp tác xã Nông nghiệp viết hợp đồng theo hướng không có lợi để lừa gia đình bà ký vào Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn đến năm 2013. Năm 2011 UBND thị trấn Th thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa tại địa phương, trong đó có diện tích đã nhận chuyển nhượng của 12 hộ dân trên nhưng gia đình bà không đồng ý trả lại đất trước thời hạn. Nhưng đến năm 2014 khi thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, UBND thị trấn Th đã Th1 hồi trái pháp luật đối với toàn bộ diện tích 48.148 m² đất của hộ gia đình được chuyển nhượng nên bà đã khiếu nại nhiều lần. Ngày 28-3-2014 UBND thị trấn Th ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 05/QĐ-UB. Do quyết định này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp nên gia đình bà đã nhiều lần yêu cầu UBND thị trấn Th chấm dứt hành vi Th1 hồi đất nông nghiệp của gia đình bà nhưng không được giải quyết. Do vậy bà đã khởi kiện vụ án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cụ thể: Năm 2017, bà đã khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi Th1 hồi đất trái pháp luật của UBND thị trấn Th. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện UBND thị trấn Th hứa sẽ tổ chức hòa giải tranh chấp giữa hộ gia đình bà với các hộ đã chuyển nhượng trước đó nên bà rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó UBND thị trấn Th không giải quyết tranh chấp đồng thời không tiếp nhận đơn đề nghị thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của gia đình bà với các hộ đã chuyển nhượng. Đến nay do chưa được giải quyết nên ngày 02-12-2019 bà tiếp tục làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Gồm:

- Hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th (QĐ số 05);

- Buộc UBND thị trấn Th chấm dứt hành vi Th1 hồi đất nông nghiệp do thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa trái pháp luật và trả lại 48.148m² diện tích đất nông nghiệp đã Th1 hồi để giao lại cho hộ gia đình bà L;

- Buộc UBND thị trấn Th T1 hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai và chuyển nhượng các thửa đất cho hộ gia đình bà đúng qui định.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND thị trấn Th trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy kết quả dồn điền đổi thửa đối với 48.148m² đất nông nghiệp của gia đình bà L:

Căn cứ Chỉ thị số 07 ngày 19-9-2011 của Tỉnh ủy Nam Định, Kế hoạch số 05 ngày 17-01-2011 của UBND huyện H và Chỉ thị số 08 ngày 11-10-2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy H, UBND thị trấn Th thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa hai đợt, đợt 1 bắt đầu năm 2004, đợt 2 bắt đầu năm 2011. Về trình tự thực hiện, UBND thị trấn Th đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp, ban hành Quyết định về thành lập tổ công tác dồn điền đổi thửa ở các đội sản xuất đồng thời tổ chức họp triển khai và phân công trách nhiệm cho từng bộ phận. Trong quá trình thực hiện đã lấy ý kiến của dân, công khai danh sách chia ruộng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận cho các hộ dân. Về cách thức dồn điền đổi thửa thực hiện theo phương châm gom nhiều thửa nhỏ thành thửa lớn, tránh manh mún, không đặt vấn đề xem xét lại vị trí sử dụng đất, không chia lại ruộng.

Năm 1993, hộ gia đình bà L được chia đất nông nghiệp cho 03 nhân khẩu với tổng diện tích là 1.626 m², gồm 03 thửa và đã được cấp giấy chứng nhận năm 1996. Sau hai đợt dồn điền đổi thửa năm 2004 và 2011 thì hộ bà L được chuyển đổi đất nông nghiệp và vẫn giữ nguyên diện tích là 1.626 m² nhưng còn hai thửa và tại vị trí khác. Diện tích đất này hộ bà L đã chuyển đổi mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng màu, nuôi cá, làm trang trại. Hiện bà L vẫn đang sử dụng, UBND thị trấn Th không Th1 hồi diện tích đất trên của bà L. Như vậy diện tích đất nông nghiệp của hộ

gia đình bà L không bị Th1 hẹp mà chỉ chuyển đổi vị trí là phù hợp với bản chất của đồn điền đổi thửa.

Đối với lời khai bà L đã nhận chuyển nhượng 48.148 m² đất của nhiều hộ gia đình cá nhân khác nhưng việc chuyển nhượng không kê khai, không đăng ký nên UBND không biết việc giao dịch chuyển nhượng này, do đó trình bày của bà L về việc UBND thị trấn lợi dụng chính sách đồn điền đổi thửa để Th1 hồi 48.148m² đất nông nghiệp là sai sự thật.

- Đối với yêu cầu của bà L về việc hủy quyết định số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th thì năm 2006, hộ gia đình bà L còn nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của 12 hộ dân với tổng diện tích 3.841 m² thông qua Đội sản xuất số 9 và Hợp tác xã Nông nghiệp Thống Nhất, thời hạn hợp đồng chuyển nhượng đến năm 2013. Năm 2011 địa phương tiếp tục T1 hành đồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 07 ngày 09-9-2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND thị trấn Th đã giao Hợp tác xã Nông nghiệp Thống Nhất đứng ra họp các Đội sản xuất để rà soát kế hoạch đồn điền đổi thửa. Trong các ngày 17-3-2011; 30-8-2011; 21-3-2012 và 04-4-2013, Hợp tác xã nhiều lần tổ chức Hội nghị giải quyết việc mua bán ruộng giữa hộ gia đình bà L và 12 hộ dân để đưa ra các phương án giải quyết nhưng bà L không đồng ý. Để đảm bảo thực hiện đúng T1 độ đồn điền đổi thửa, trên cơ sở đơn khiếu nại của 12 hộ dân, UBND thị trấn Th đã ban hành Quyết định về việc giải quyết tranh chấp đất đai số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014, yêu cầu Ban quản trị Hợp tác xã Thống Nhất thực hiện theo đúng phương châm đồn điền đổi thửa và các phương án hòa giải tranh chấp giữa hộ gia đình bà L và 12 hộ dân đã chuyển nhượng đất. Quyết định số 05 không phải là quyết định Th1 hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bà L. Ngay sau khi ban hành, Ủy ban đã giao quyết định cho bà L.

- Đối với yêu cầu của bà L về việc buộc UBND thị trấn Th T1 hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai và thực hiện thủ tục chuyển nhượng các thửa đất cho hộ gia đình bà theo đúng qui định pháp luật. Tuy nhiên ngoài 12 hộ dân đã chuyển nhượng đất năm 2006 và có tranh chấp với bà L đã được UBND thị trấn Th hòa giải thì đến nay UBND thị trấn chưa nhận được đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà L với bất cứ hộ gia đình, cá nhân nào khác. Trường hợp các bên thực hiện giao dịch theo đúng qui định của pháp luật thì UBND sẽ thực hiện việc xác nhận hồ sơ chuyển nhượng để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Tuy nhiên UBND chưa nhận được hồ sơ hợp lệ từ phía gia đình bà L để đề nghị chứng thực hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa gia đình bà và hộ gia đình, cá nhân nào khác hoặc giữa các bên đang tranh chấp. Do vậy, UBND thị trấn không thể xác nhận hồ sơ theo ý kiến từ phía gia đình bà L.

Từ những nội dung trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143;

khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167, Điều 188, Điều 195, Điều 196, Điều 197, khoản 2 Điều 202 Luật đất đai năm 2013; Điều 78 Nghị định 43/CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th1 giảm, miễn, nộp T án phí lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc hủy Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th do hết thời hiệu khởi kiện;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc yêu cầu hủy kết quả dồn điền đổi thửa của UBND thị trấn Th đối với diện tích 48.148m² đất nông nghiệp hộ gia đình bà Trần Thị L đã được nhận tặng cho, chuyển nhượng; Ngoài ra, yêu cầu buộc UBND thị trấn Th T1 hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai và yêu cầu buộc UBND thị trấn Th xem xét thực hiện thủ tục chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình bà Trần Thị L.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan.

Ngày 21-9-2020 bà Trần Thị L kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện H. Yêu cầu hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th; Buộc UBND thị trấn Th hủy kết quả dồn điền đổi thửa đối với các diện tích đất bà đã nhận chuyển nhượng; khôi phục lại nguyên trạng và trả lại diện tích đất hợp pháp của các thửa đất cho gia đình bà; yêu cầu UBND thị trấn Th hòa giải tranh chấp đất đai cho gia đình bà theo quy định của pháp luật và xem xét thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất cho gia đình bà theo quy định.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Đề nghị HĐXX Hủy quyết định số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 về giải quyết tranh chấp đất đai của UBND thị trấn Th; Buộc UBND thị trấn Th hủy kết quả dồn điền đổi thửa đối với các diện tích đất bà đã nhận chuyển nhượng; Khôi phục lại nguyên trạng và trả lại diện tích đất hợp pháp của các thửa đất cho gia đình bà; Yêu cầu UBND thị trấn Th hòa giải tranh chấp đất đai cho gia đình bà theo quy định của pháp luật và xem xét thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất cho gia đình bà theo quy định của pháp luật

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện phát biểu ý kiến tranh luận: Trong vụ án này người khởi kiện có bốn yêu cầu đối với một quyết định hành chính và ba hành vi hành chính để đề nghị Tòa án giải quyết. Xét đối với quyết định hành chính ban hành thì nội dung là sai, tuy nhiên về thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết nên không có ý kiến gì. Đề nghị HĐXX chấp nhận hai đề nghị của bà L là

yêu cầu UBND thị trấn Th hòa giải nếu như có tranh chấp xảy ra và thực hiện thủ tục chuyển nhượng nếu gia đình bà L có yêu cầu.

- Người đại diện hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của bà Trần Thị L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị L làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Việc ủy quyền tham gia tố tụng của người bị kiện cũng như những người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan đến vụ án đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong đơn khởi kiện và tại giai đoạn sơ thẩm bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án triệu tập các bà Vũ Thị L1, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L2, bà Trần Thị N, bà Trần Thị M và bà Vũ Thị Th1 tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 25-4-2021 bà Vũ Thị Th1 có đơn đề nghị được tham gia phiên tòa phúc thẩm hành chính. Xét tại các bản tự khai ngày 27-4-2020 và 12-5-2020 của bà H, bà M, bà L2, bà N trình bày trước đó là đã chuyển nhượng đất cho bà L. Việc mua bán bằng giấy viết tay, các bà đã nhận đủ tiền, bà L đã nhận đủ đất. Mặc dù chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo qui định pháp luật nhưng các bà xác định bà L có toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với diện tích đất đã chuyển nhượng. Ngoài ra diện tích đất bà Th1 đã chuyển nhượng cho bà L đang phát sinh tranh chấp giữa gia đình bà Th1 với Ngân hàng về việc phát mại tài sản nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc giữa bà và bà L trong vụ án hành chính phúc thẩm. HĐXX xét thấy: Tranh chấp giữa bà Th1 và Ngân hàng là tranh chấp hợp đồng tín dụng; quan hệ pháp luật phát sinh giữa bà L và các bà Th1, M, H, L1, L2 là quan hệ về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không L1 quan đến việc xem xét quyết định hành chính và hành vi hành chính của UBND thị trấn Th đối với hộ gia đình bà L. Mặt khác bà L không xuất trình được giấy tờ chuyển nhượng với những người nêu trên với lý do đã thất lạc giấy tờ từ năm 2005 đến nay, do đó đề nghị của bà L và bà Th1 về đề nghị tham gia tố tụng và triệu tập người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

[2.] Về nội dung kháng cáo của bà Trần Thị L:

[2.1] Xét tính hợp pháp về việc dồn điền đổi thửa của UBND thị trấn Th: Ngày 22-11-2010 Ban chấp hành Đảng bộ huyện ủy H ban hành Quyết định số 35 về việc ban hành đề án dồn điền đổi thửa giai đoạn 2010-2015. Ngày 17-01-2011 UBND huyện H ban hành kế hoạch dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp. Căn cứ các văn bản trên, ngày 10-02-2011 UBND thị trấn Th đã ban hành Kế hoạch số 02 triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp; ngày 15-9-2011 ban hành Quyết định số 50 về việc thành lập tổ công tác dồn điền đổi thửa ở các đội sản xuất Th1ộc Hợp tác xã Thống Nhất. Đồng thời đã tổ chức họp triển khai, phân công trách nhiệm cho từng bộ phận. Quá trình thực hiện đã lấy ý kiến của dân, công khai danh sách chia ruộng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận cho các hộ dân. Như vậy UBND thị trấn Th đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 78 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cũng như Chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy và quyết định của UBND huyện H.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà L về việc đề nghị hủy kết quả dồn điền đổi thửa đối với 48.148m² đất nông nghiệp của hộ gia đình bà. Căn cứ hồ sơ địa chính, có đủ cơ sở xác nhận: Năm 1993 trước khi dồn điền đổi thửa, thực hiện đề án 68 của UBND tỉnh Nam Định, UBND thị trấn Th chia ruộng tiêu chuẩn cho các hộ gia đình theo nhân khẩu, mỗi khẩu là 542m². Hộ gia đình bà Trần Thị L được chia 1.626m² đất (là tiêu chuẩn của 03 người gồm ông G, bà L và con gái là chị M); Cụ thể: Tại tờ bản đồ số 20 thửa số 13 thửa phụ 6 với diện tích 1.081m², tờ bản đồ số 7 thửa số 38 thửa phụ 16 với diện tích 358m² và tờ bản đồ số 19 thửa số 3 thửa phụ 17 với diện tích 187m². Năm 1996, hộ gia đình bà L được cấp GCNQSDĐ đối với 1.626m² đất trên. Năm 2004 sau khi dồn điền đổi thửa lần thứ nhất, diện tích hộ gia đình bà L được giao lại vẫn là 1.625m² gồm 03 thửa tại tờ bản đồ số 14 thửa số 14 thửa phụ 07 với diện tích 1.190m², tờ bản đồ số 26 thửa số 14 thửa phụ 32 với diện tích 292m² và tờ bản đồ số 14 thửa số 43 thửa phụ 17 với diện tích 143m². Năm 2006 do không có nhu cầu sử dụng nên hộ bà L đã xin chuyển các thửa đất trên về vị trí mới tại tờ bản đồ số 26 thửa số 15 với diện tích 1.432m² và tờ bản đồ số 26 thửa 14 thửa phụ 32 với diện tích 194m². Khi dồn điền đổi thửa lần hai, diện tích đất tiêu chuẩn hộ gia đình bà L được giao sử dụng vẫn giữ nguyên về diện tích và vị trí. Như vậy, mặc dù vị trí các thửa ruộng sau dồn điền đổi thửa có thay đổi so với ban đầu nhưng không làm thay đổi diện tích đất theo tiêu chuẩn của hộ gia đình bà L được giao. Tổng diện tích sử dụng từ năm 2006 vẫn là 1.626m², việc dồn điền đổi thửa của UBND thị trấn Th là đúng qui định. Ngoài ra, bà L trình bày trong các năm từ 1996 đến 2003 gia đình bà được nhiều hộ tặng cho và nhận chuyển nhượng 48.148m² đất nông nghiệp tuy nhiên bà L không xuất trình được căn cứ chứng minh việc chuyển nhượng diện tích đất trên với lý do một số giấy tờ bị thất lạc từ năm 2005, một số hợp đồng chuyển nhượng không có ngày tháng năm và không có xác nhận của chính quyền địa phương. UBND thị trấn Th xác định bà không kê khai, không đăng ký việc chuyển

nhượng theo qui định nên Ủy ban không biết và không xem xét đến diện tích trên khi dồn điền đổi thửa là phù hợp. Do vậy, yêu cầu của bà L về việc UBND thị trấn Th dồn điền đổi thửa trái qui định đối với 48.148m² đất nông nghiệp của hộ gia đình bà không có cơ sở.

[2.3] Về yêu cầu buộc UBND thị trấn Th thực hiện hành vi hòa giải tranh chấp đất đai cho hộ bà Trần Thị L: Căn cứ quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013, UBND cấp xã có thẩm quyền hòa giải tranh chấp về đất đai. Năm 2006, hộ bà L nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của 12 hộ dân thông qua Đội sản xuất số 9 và Hợp tác xã Nông nghiệp Thống Nhất, thời gian kết thúc thỏa Th1ận trong hợp đồng Th1ê là đến năm 2013. Năm 2011 khi thực hiện dồn điền đổi thửa, hộ bà L tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất nông nghiệp với 12 hộ dân. UBND thị trấn Th đã nhiều lần mở các cuộc họp và đưa ra các phương án để các bên lựa chọn giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Do không hòa giải được nên UBND thị trấn Th để hết thời gian Th1ê ghi trong hợp đồng và đến năm 2014 UBND thị trấn mới Th1 hồi để thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa đối với 12 hộ dân. Ngoài tranh chấp trên thì UBND thị trấn Th cũng không nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai nào của bà L với hộ gia đình, cá nhân khác. Bà L trình bày ngày 06-11-2018 đã gửi đơn tới UBND thị trấn Th đề nghị hòa giải tranh chấp, tuy nhiên tại giấy biên nhận về việc tiếp nhận thông tin tài liệu có chữ ký của bà L chỉ thể hiện việc giao nộp các giấy chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất mà không có văn bản đề nghị hòa giải tranh chấp. Điều đó phù hợp với lời khai của bà L tại phiên tòa sơ thẩm về việc chỉ nộp hồ sơ nhận chuyển nhượng, tặng cho đất nông nghiệp yêu cầu UBND thị trấn giải quyết để bà làm thủ tục sang tên. Do đó, yêu cầu của bà L buộc UBND thị trấn Th thực hiện hành vi hòa giải tranh chấp đất đai khi không có tranh chấp giữa hộ bà L và cá nhân, tổ chức nào về quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu UBND thị trấn Th thực hiện hành vi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà L: Theo quy định tại khoản 2; điểm c khoản 5 Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, UBND thị trấn Th chỉ có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, còn việc lập hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất nói chung và đất nông nghiệp nói riêng là Th1ộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H. Mặt khác, do giữa bà L và các hộ dân đang có tranh chấp nêu trên nên không có căn cứ để buộc UBND thị trấn Th phải nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ do chuyển nhượng, tặng cho đối với gia đình bà L.

[2.5] Về yêu cầu hủy Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th. Bà Trần Thị L trình bày đã nhận được Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th ngay sau khi quyết định được ban hành. Cũng được

thể hiện tại đơn đề nghị ngày 22-5-2017 gửi UBND thị trấn Th, bà L đã khiếu nại Quyết định số 05, việc này thể hiện bà đã biết về quyết định hành chính. Đối với các hành vi hành chính của UBND thị trấn Th gồm hành vi dồn điền đổi thửa, không hòa giải tranh chấp về đất đai và không thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình bà L. Ngày 26-6-2017 UBND thị trấn Th đã ban hành Công văn số 10/UBND-VP trả lời đơn khiếu nại, do không đồng ý, bà L khởi kiện vụ án hành chính đối với hành vi Th1 hồi đất và dồn điền đổi thửa không đúng quy định của pháp luật và đã được Tòa án thụ lý ngày 11-10-2017, ngày 08-10-2018 bà L đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Ngày 02-12-2019 bà L mới khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện của quyết định số 05/QĐ/UB ngày 28-3-2014 của UBND thị trấn Th không còn, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu này là phù hợp.

[3] Ngày 13-01-2021 bà L đề nghị xem xét, thẩm định hồ sơ địa chính các thửa đất L1 quan đến vụ án hành chính. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu này, ngày 05-6-2018 Tòa án nhân dân huyện H đã T1 hành xem xét thẩm định hồ sơ địa chính, ngày 06-7-2018 Tòa án đã T1 hành thẩm định thực địa, việc thẩm định đối với các thửa đất đều theo đơn yêu cầu của bà L; trong quá trình thẩm định thực địa, do không biết cụ thể thửa đất yêu cầu thẩm định Th1ộc tờ bản đồ năm nào nên bà L đã chỉ vị trí thực tế của từng thửa để đoàn đo đạc thẩm định đối chiếu, tìm ra số tờ thửa trên hồ sơ địa chính. Quá trình thẩm định bà L đều tham gia chứng kiến, khi kết thúc bà đều được đọc lại biên bản và đã ký xác nhận; lý do bà đề nghị xem xét thẩm định lại là Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định không khách quan, không đúng qui định tuy nhiên không có chứng cứ cụ thể nên HĐXX không chấp nhận đơn đề nghị.

Do vậy kháng cáo của bà Trần Thị L về việc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện H không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; Điều 348; Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167, Điều 188, Điều 195, Điều 196, Điều 197, khoản 2 Điều 202 Luật đất đai năm 2013; Điều 78 Nghị định 43/CP ngày 15-5-2014

của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 32; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th1, miễn, giảm, Th1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thị L. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 18-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên L2i Th1 số AA/2017/0001948 ngày 07-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tỉnh Nam Định. Bà Trần Thị L đã nộp đủ T án phí.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên L2i Th1 số AA/2017/0002284 ngày 21-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tỉnh Nam Định. Bà Trần Thị L đã nộp đủ T án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- Đ sự;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND huyện H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh